

**ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
VĂN PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46 /VP-CTHĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 3 năm 2022

V/v đăng tải dự thảo Nghị quyết các khoản chi
phục vụ HĐND các cấp trên Cổng thông tin điện
tử tỉnh

Kính gửi: Cổng thông tin điện tử tỉnh

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Pháp chế HĐND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số khoản chi cho hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngày 18/01/2022, Ban Pháp chế HĐND tỉnh có Tờ trình số 35/TTr-BPC về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số khoản chi cho hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và được Thường trực HĐND tỉnh có văn bản chấp thuận số 109/HĐND-VP ngày 03/3/2022 thống nhất việc xây dựng Nghị quyết nêu trên.

Để đảm bảo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chuyển dự thảo Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số khoản chi cho hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý vào dự thảo nghị quyết theo quy định (đính kèm dự thảo Nghị quyết)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Lưu VT, (N.Hưng).

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thị Kim Chung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số khoản chi cho hoạt động của HĐND
các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
được sửa đổi, bổ sung năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về chế độ, chính sách và các điều
kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ hướng dẫn một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài
chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;*

*Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài
chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi
tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;*

*Xét Tờ trình số 35/TTr-TTHĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Ban Pháp chế
Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số khoản chi cho hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của
Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng Nhân dân tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội
đồng Nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 103/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 1 về đối tượng chi, mức chi phục vụ hoạt động giám sát của Thường trực, các Ban, và Tổ Đại biểu HĐND (kể cả hoạt động giám sát giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị của cử tri và giám sát văn bản quy phạm pháp luật), cụ thể như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 về mức chi cho trưởng đoàn giám sát như sau:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/cuộc.
- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/cuộc.
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/cuộc.

b) Sửa đổi khoản 2 về mức chi cho Phó trưởng đoàn giám sát như sau:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/cuộc.
- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/cuộc.
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/cuộc.

c) Sửa đổi khoản 3 về mức chi cho Đại biểu HĐND tham gia đoàn giám sát như sau:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/cuộc.
- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/cuộc.
- Cấp xã: 90.000 đồng/người/cuộc.

d) Sửa đổi khoản 4 về mức chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp, báo cáo giám sát văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo giám sát, thông báo kết quả sau đợt giám sát, khảo sát: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/bộ hồ sơ.
- Cấp huyện: 500.000 đồng/ bộ hồ sơ.
- Cấp xã: 300.000 đồng/ bộ hồ sơ.

e) Sửa đổi khoản 5 về mức chi cho việc thu thập tài liệu, xây dựng quyết định và đề cương giám sát: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ bộ hồ sơ.
- Cấp huyện: 300.000 đồng/ bộ hồ sơ.
- Cấp xã: 200.000 đồng/ bộ hồ sơ.

2. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 2 về các khoản chi cho công tác thẩm tra

a) Sửa đổi khoản 1 về mức chi cho người chủ trì cuộc họp thẩm tra: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 200.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Sửa đổi khoản 2 về mức chi cho Đại biểu HĐND tham dự họp thẩm tra: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 90.000 đồng/người/buổi.

c) Sửa đổi khoản 3 về mức chi cho việc xây dựng báo cáo thẩm tra: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo;
- Cấp huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

3. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 3 về các khoản chi phục vụ kỳ họp HĐND

a) Sửa đổi khoản 1 về mức chi cho đại biểu HĐND là Chủ tọa kỳ họp HĐND. Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/ngày.
- Cấp huyện: 300.000 đồng/người/ngày.
- Cấp xã: 150.000 đồng/người/ngày.

b) Sửa đổi khoản 2 về mức chi cho đại biểu HĐND là Thư ký kỳ họp HĐND. Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.
- Cấp huyện: 200.000 đồng/người/ngày.
- Cấp xã: 150.000 đồng/người/ngày.

c) Sửa đổi khoản 3 về mức chi cho đại biểu HĐND tham dự kỳ họp: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh, thành phố Biên Hòa và thị xã Long Khánh: 300.000 đồng/người/ngày.
- Các huyện, phường, thị trấn: 150.000 đồng/người/ngày.
- Các xã: 100.000 đồng/người/ngày.

d) Sửa đổi khoản 5 về mức chi cho việc tổng hợp báo cáo chung kết quả thảo luận của các tổ tại kỳ họp. Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện: 100.000 đồng/báo cáo..
- Cấp xã: 70.000 đồng/báo cáo.

e) Sửa đổi khoản 6 về mức chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp nội dung chất vấn, báo cáo tổng hợp trả lời chất vấn tại kỳ họp. Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo..
- Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

g) Sửa đổi khoản 7 về mức chi cho việc xây dựng, hoàn thiện biên bản kỳ họp. Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 600.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện: 450.000 đồng/báo cáo.
- Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.

h) Sửa đổi khoản 8 về mức chi cho việc xây dựng báo cáo chuyên đề trình kỳ họp; xây dựng đề án, tờ trình, nghị quyết của Thường trực HĐND trình kỳ họp. Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 600.000 đồng/bộ văn bản.
- Cấp huyện: 300.000 đồng/bộ văn bản.
- Cấp xã: 150.000 đồng/bộ văn bản.

i) Sửa đổi khoản 9 về mức chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trình kỳ họp. Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/dự thảo nghị quyết.
- Cấp huyện: 150.000 đồng/dự thảo nghị quyết.
- Cấp xã: 100.000 đồng/dự thảo nghị quyết.

4. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 4 về các khoản chi phục vụ hội nghị lấy ý kiến đóng góp dự án luật, pháp lệnh

a) Sửa đổi khoản 2 về mức chi cho cá nhân tham dự hội nghị

- Mức chi cho người chủ trì cấp tỉnh là 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện là 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã là 150.000 đồng/người/buổi.

- Mức chi cho đại biểu HĐND tham dự cuộc họp cấp tỉnh là 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện là 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã là 700.000

đồng/người/buổi.

b) Sửa đổi khoản 3 về mức chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/báo cáo/dự luật.
- Cấp huyện: 600.000 đồng/báo cáo/dự luật.
- Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo/dự luật.

5. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 5 về chế độ chi hội nghị, giao ban và các cuộc họp liên quan đến hoạt động HĐND, của Thường trực HĐND, Ban HĐND và Tổ đại biểu HĐND các cấp

a) Sửa đổi khoản 1 về mức chi cho người chủ trì hội nghị, giao ban, cuộc họp: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Sửa đổi khoản 2 về mức chi cho đại biểu HĐND tham dự cuộc họp: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi.
- Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi.
- Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

6. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 6 về đối tượng và mức khoán chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri của HĐND các cấp (bao gồm cả tiếp xúc cử tri nơi cư trú, nơi làm việc của đại biểu, tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, lĩnh vực, đối tượng và địa bàn mà đại biểu quan tâm)

a) Sửa đổi khoản 1 về khoán chi cho các xã, phường, thị trấn để tổ chức, phục vụ công tác tiếp xúc cử tri của HĐND các cấp: Thuê hội trường, âm thanh, ánh sáng, nước uống, chi cho người chủ trì...mức chi: 10.000.000 đồng/năm/phường (xã, thị trấn).

b) Sửa đổi khoản 2 về khoán chi cho đại biểu HĐND thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri như sau:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/đại biểu/năm.
- Cấp huyện: 1.500.000 đồng/đại biểu/năm.
- Cấp xã: 750.000 đồng/đại biểu/năm.

c) Sửa đổi khoản 3 về chi cho việc xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu HĐND, kết quả tiếp xúc cử tri theo chuyên đề: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/văn bản.
- Cấp huyện: 100.000 đồng/văn bản.
- Cấp xã: 70.000 đồng/văn bản.

7. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 7 về chế độ chi cho việc xây dựng dự thảo báo cáo chuyên đề (không trình kỳ họp) phục vụ cho hoạt động của Thường trực HĐND: Mức chi cho từng cấp như sau:

- a) Cấp tỉnh: 900.000 đồng/báo cáo.
- b) Cấp huyện: 600.000 đồng/ báo cáo.
- c) Cấp xã: 300.000 đồng/ báo cáo.

8. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 9 như sau: Mức chi cho khách mời, cán bộ, công chức tham gia họp và phục vụ các hoạt động của HĐND như: giám sát; công tác thẩm tra; kỳ họp HĐND; Hội nghị lấy ý kiến đóng góp dự án luật, pháp lệnh; Hội nghị giao ban và các cuộc họp liên quan đến hoạt động HĐND của Đảng đoàn HĐND tỉnh, của Thường trực HĐND, của Ban HĐND và của Tổ đại biểu HĐND các cấp: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: Bằng 70% mức chi đối với Đại biểu HĐND tỉnh
- Cấp huyện: Bằng 70% mức chi đối với Đại biểu HĐND huyện
- Cấp xã: Bằng 70% mức chi đối với Đại biểu HĐND xã

9. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 10 về chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất

a) Sửa đổi khoản 1 về chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối với đại biểu HĐND đương nhiệm:

- Đại biểu HĐND đương nhiệm khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi 500.000 đồng/người/lần; nếu phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi: 1.500.000 đồng/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi trợ cấp là 5.000.000 đồng/người/lần. Chi không quá 02 lần/người/năm.

- Đại biểu HĐND từ trần thì gia đình của đại biểu được trợ cấp 3.000.000 đồng.

- Đại biểu HĐND có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con ruột chết thì được trợ cấp một lần 1.500.000 đồng/người.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước.

b) Sửa đổi khoản 2 về chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối

với các vị nguyên là đại biểu HĐND:

- Các vị nguyên là đại biểu HĐND khi ốm đau phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi: 1.500.000 đồng/lần, chi tối đa không quá 02 lần/năm. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi trợ cấp một lần tối đa không quá 3.000.000 đồng/người/lần, chi tối đa không quá 02 lần/năm.

- Nguyên đại biểu HĐND từ trần thì gia đình của nguyên đại biểu được trợ cấp 3.000.000 đồng.

10. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 11 về chi hỗ trợ đối với Đại biểu HĐND và cán bộ, công chức Văn phòng phục vụ hoạt động HĐND các cấp:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Đối với đại biểu HĐND đương nhiệm:

a) Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND đương nhiệm được cấp tiền may 02 bộ lễ phục với mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/bộ.
- Cấp huyện: 3.000.000 đồng/bộ.
- Cấp xã: 2.500.000 đồng/bộ.

b) Đại biểu HĐND được cấp tài liệu, báo chí, phí truy cập internet để thu thập thông tin, nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi các hoạt động HĐND trên Website HĐND tỉnh (đại biểu dân cử ở nhiều cấp thì chỉ được chi ở 01 cấp cao nhất) với mức khoán tháng cho đại biểu HĐND từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 600.000 đồng/đại biểu/tháng.
- Cấp huyện: 300.000 đồng/đại biểu/tháng.
- Cấp xã: 200.000 đồng/đại biểu/tháng.

Ngoài ra, những tài liệu cần nghiên cứu để phục vụ cho hoạt động của HĐND sẽ do Thường trực HĐND quyết định. Khoản kinh phí này không nằm trong mục hỗ trợ báo chí của đại biểu.

c) Thuê người am hiểu về vấn đề mà Thường trực HĐND, Ban HĐND thấy cần thiết: Thường trực HĐND, Trưởng các Ban HĐND các cấp được thuê người có trình độ chuyên môn nghiên cứu, cho ý kiến vào các đề án chuyên đề, kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng các vụ việc trước hoặc sau khi đi giám sát (nếu xét thấy cần thiết), mức thuê cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/một lần thuê/đề án;
- Cấp huyện: 2.000.000 đồng/một lần thuê/đề án”

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Văn

phòng phục vụ trực tiếp hoạt động HĐND các cấp:

a) Đối tượng; được hưởng chế độ trang phục quy định cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: cán bộ, công chức tham mưu, giúp việc trực tiếp cho hoạt động HĐND cấp tỉnh.

- Cấp huyện: cán bộ, công chức tham mưu, giúp việc trực tiếp cho hoạt động HĐND cấp huyện (tối đa 03 suất).

- Cấp xã: cán bộ, công chức tham mưu, giúp việc cho hoạt động HĐND cấp xã (01 suất).

b) Mỗi nhiệm kỳ HĐND, các đối tượng cán bộ, công chức tham mưu, giúp việc trực tiếp cho hoạt động HĐND các cấp được hưởng 50% mức chi của Đại biểu HĐND đương nhiệm cùng cấp."

11. Sửa đổi một số nội dung tại Điều 12 về Chi tặng quà cho các đối tượng chính sách, xã hội của các tổ chức HĐND các cấp khi thăm hỏi nhân dịp Lễ, Tết, các ngày truyền thống và trong các đợt đi khảo sát về đời sống sinh hoạt xã hội như: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945; Liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của HĐND; gia đình và cá nhân gặp rủi ro thiên tai; Già làng, người có uy tín trong cộng đồng; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: Trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh; trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo... mức chi như sau: đối với tập thể tối đa không quá 10.000.000 đồng/lần, đối với cá nhân tối đa không quá 5.000.000 đồng/lần

Điều 2. Bổ sung một số điều của Nghị quyết số 103/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1. Bổ sung phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm công việc

a) Đại biểu HĐND đang giữ các chức vụ Đảng, Nhà nước, đoàn thể nếu kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan HĐND như Chủ tịch HĐND các cấp, Trưởng các Ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng bằng 10% mức lương hiện hưởng (kể cả phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)). Nếu đã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm

tại cơ quan khác thì không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 1 của Quy định này.

b) Đại biểu HĐND đang giữ các chức vụ Phó Trưởng ban và thành viên các Ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã kiêm nhiệm; Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND các cấp được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm công việc kiêm nhiệm như sau:

- Phó Trưởng ban HĐND tỉnh Bằng 0,5 so với mức lương cơ sở
- Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh Bằng 0,5 so với mức lương cơ sở
- Thành viên các Ban HĐND cấp tỉnh Bằng 0,3 so với mức lương cơ sở
- Tổ trưởng Tổ đại biểu và Phó ban HĐND cấp huyện Bằng 0,3 so với mức lương cơ sở
- Thành viên các Ban HĐND cấp huyện Bằng 0,2 so với mức lương cơ sở
- Phó Chủ tịch HĐND và Trưởng ban HĐND cấp xã Bằng 0,3 so với mức lương cơ sở
- Tổ trưởng Tổ đại biểu và Phó Trưởng ban HĐND cấp xã Bằng 0,2 so với mức lương cơ sở
- Thành viên Ban HĐND cấp xã Bằng 0,1 so với mức lương cơ sở
- Trường hợp đại biểu là cán bộ hưu trí, nông dân nông thôn đảm nhận các chức vụ Trưởng ban, Phó ban, thành viên Ban HĐND cấp xã Được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc kiêm nhiệm tương ứng như các đối tượng cấp xã.

c) Đối với các chức danh kiêm nhiệm cấp xã phụ cấp kiêm nhiệm chức danh thực hiện theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, trường hợp không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP thì thực hiện theo mức hỗ trợ đối với cấp xã theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 1 của Quy định này.

2. Bổ sung Điều 1 về đối tượng chi, mức chi phục vụ hoạt động giám sát của Thường trực, các Ban, và Tổ Đại biểu HĐND (kể cả hoạt động giám sát giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị của cử tri và giám sát văn bản quy phạm pháp luật), cụ thể như sau:

a) Bổ sung chế độ chi phục vụ hoạt động khảo sát của HĐND các cấp bằng 50% mức chi hoạt động giám sát.

3. Bổ sung Điều 3 về các khoản chi phục vụ kỳ họp HĐND

a) Bổ sung mức chi cho báo cáo tổng hợp, báo cáo tập hợp ý kiến cử tri; tổng hợp ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu và kết luận của Chủ tọa tại kỳ họp

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.
- Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo..

- Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

b) Bổ sung mức chi cho việc chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và Nghị quyết chuyên đề (nếu có) tại kỳ họp:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện: 150.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã: 80.000 đồng/báo cáo.

4. Bổ sung mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri: mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: Bằng 70% mức chi đối với Đại biểu HĐND tỉnh

- Cấp huyện: Bằng 70% mức chi đối với Đại biểu HĐND huyện

- Cấp xã: Bằng 70% mức chi đối với Đại biểu HĐND xã

5. Bổ sung mức chi hỗ trợ đối với các đại biểu HĐND không được hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo qui định: Mức chi cho từng cấp như sau: (đồng/người/năm).

- Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/năm.

- Cấp huyện: 500.000 đồng/người/năm.

- Cấp xã: 300.000 đồng/người/năm.

6. Bổ sung mức chi đối với Đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm: Mức chi cho từng cấp như sau:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/lần.

- Cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/lần.

- Cấp xã: 1.000.000 đồng/người/lần.

Điều 3. Bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 103/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1. Bãi bỏ một số nội dung tại các khoản 6,7,8 Điều 1 về đối tượng chi, mức chi phục vụ hoạt động giám sát của HĐND các cấp

2. Bãi bỏ nội dung tại khoản 4 Điều 3 về các khoản chi phục vụ kỳ họp HĐND

3. Bãi bỏ nội dung tại khoản 1, Điều 4 về các khoản chi phục vụ hội nghị lấy ý

kiến đóng góp dự án luật, pháp lệnh

4. Bãi bỏ nội dung tại khoản 3, Điều 11 về chi hỗ trợ đối với Đại biểu HĐND và cán bộ, công chức Văn phòng phục vụ hoạt động HĐND các cấp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua và sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 103/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các nội dung chi cho hoạt động HĐND quy định tại Nghị quyết số 103/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh không được điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ tại Nghị quyết này vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành.

- Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết số 203/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 6 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐ.